

## QUYẾT ĐỊNH

### Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương

#### VIỆN TRƯỞNG VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 558/QĐ-BYT ngày 23/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 910/QĐ-VSDTTU ngày 03/10/2022 của Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các Phòng, Khoa, Văn phòng, Trung tâm trực thuộc Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDDT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDDT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày 19/8/2024 của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Quản lý khoa học - Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, ban hành và thay thế Quyết định số 1065/QĐ-VSDTTU ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.



**Điều 3.** Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Quản lý khoa học, Trưởng Phòng Hành chính - Vật tư, các Khoa, Phòng liên quan, các đơn vị, cá nhân tham gia đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. Phan Trọng Lân

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Lưu: VT, ĐTKH.



## MỤC LỤC

### (5 chương và 37 điều)

	Trang
<b>Chương I. Những quy định chung</b>	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Chương trình đào tạo	1
Điều 3. Thời gian và hình thức đào tạo	2
Điều 4. Tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ	2
Điều 5. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh	3
<b>Chương II. Tuyển sinh</b>	4
Điều 6. Phương thức và thời gian tuyển sinh	4
Điều 7. Đối tượng và điều kiện dự tuyển	4
Điều 8. Đăng ký dự tuyển	6
Điều 9. Thông báo tuyển sinh	7
Điều 10. Hội đồng tuyển sinh	7
Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh	9
Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của Phó chủ tịch Hội đồng tuyển sinh	9
Điều 13. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh	9
Điều 14. Tiểu ban chuyên môn	10
Điều 15. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh	11
Điều 16. Công nhận nghiên cứu sinh	13
<b>Chương III. Tổ chức và quản lý đào tạo</b>	13
Điều 17. Tổ chức hoạt động đào tạo	13
Điều 18. Các học phần bổ sung	14
Điều 19. Các học phần ở trình độ tiến sĩ	14
Điều 20. Đề cương nghiên cứu chi tiết	15
Điều 21. Các chuyên đề tiến sĩ	15
Điều 22. Luận án tiến sĩ	16
Điều 23. Những thay đổi trong quá trình đào tạo	16
Điều 24. Công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu	17

Điều 25. Quyền và trách nhiệm của nghiên cứu sinh trong quá trình đào tạo	19
Điều 26. Quyền và trách nhiệm của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ và người hướng dẫn nghiên cứu sinh	19
<b>Chương IV. Đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ</b>	20
Điều 27. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ	20
Điều 28. Đánh giá luận án cấp cơ sở	21
Điều 29. Phản biện độc lập luận án	24
Điều 30. Đánh giá luận án ở cấp Viện	27
Điều 31. Đánh giá lại luận án ở cấp Viện	32
Điều 32. Đánh giá luận án theo chế độ mật	32
Điều 33. Công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ	33
Điều 34. Xử lý kết quả sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo và thẩm định chất lượng luận án	34
<b>Chương V. Tổ chức thực hiện</b>	36
Điều 35. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin	36
Điều 36. Công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát nội bộ	36
Điều 37. Điều khoản chuyển tiếp	37
<b>Phụ lục</b>	

## QUY CHẾ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~TT-QL/QĐ-VSDTTU~~ ngày ~~12/1/2024~~  
của Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này xây dựng căn cứ theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được ban hành theo Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021. Quy chế quy định chi tiết về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ áp dụng tại Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

#### Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định hiện hành, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

a) Khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có trình độ thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có trình độ đại học thuộc cùng nhóm ngành;

b) Chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam hiện hành (sau đây gọi là Khung trình độ quốc gia). Theo đó, trình độ đào tạo của người học có kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của ngành đào tạo; có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; có kỹ năng tư duy, nghiên cứu độc lập, độc đáo, sáng tạo tri

thúc mới; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; thể hiện năng lực sáng tạo, có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia.

2. Nghiên cứu khoa học là thành phần chính yếu và bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ. Kết cấu chương trình đào tạo bao gồm: các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ, nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ. Trong đó, đảm bảo tối thiểu 80% là nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

### **Điều 3. Thời gian và hình thức đào tạo**

1. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ tại Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương từ 03 năm (36 tháng) đến 04 năm (48 tháng). Mỗi nghiên cứu sinh có một Kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nằm trong khung thời gian đào tạo đăng ký, được phê duyệt kèm theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (theo mẫu tại Phụ lục I).

2. Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho cơ sở đào tạo, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

3. Hình thức đào tạo trình độ tiến sĩ là chính quy; nghiên cứu sinh phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó, khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian. Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, dự kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học.

### **Điều 4. Tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ**

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ phải đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục Đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần, môn học (sau đây gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng trong công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng trở lên) kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả/ đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính).

#### **Điều 5. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh**

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập nghiên cứu sinh phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm một trong các kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến đề tài luận án hướng dẫn như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do

các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả);

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế.

3. Mỗi nghiên cứu sinh có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của Viện hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Viện theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại Viện với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

## Chương II

### TUYỂN SINH

#### **Điều 6. Phương thức và thời gian tuyển sinh**

1. Phương thức tuyển sinh: thi tuyển, xét tuyển hồ sơ, hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

2. Số lần tuyển sinh trong năm: một hoặc nhiều lần trong năm, khi đáp ứng đủ các điều kiện đảm bảo chất lượng triển khai đào tạo theo quy định hiện hành.

3. Việc tổ chức tuyển sinh có thể được thực hiện theo hình thức trực tuyến, phải đáp ứng những điều kiện đảm bảo chất lượng như đối với tuyển sinh trực tiếp.

#### **Điều 7. Đối tượng và điều kiện dự tuyển**

Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

1. Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo đăng ký.

2. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

3. Có dự thảo đề cương nghiên cứu và kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

4. Trình độ ngoại ngữ:

4.1. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 trở lên (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

4.2. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ thứ 2 do Viện quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

5. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Viện.

6. Có đủ sức khỏe để học tập.

7. Đối tượng và chính sách ưu tiên

7.1. Đối tượng ưu tiên: Thí sinh được ưu tiên trong tuyển sinh thuộc những đối tượng sau:

- a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;
- b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;
- c) Con liệt sĩ;
- d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;
- e) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại điểm a khoản này;
- f) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

### 7.2. Chính sách ưu tiên:

Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên được cộng thêm mười điểm (thang điểm 100) cho tổng số điểm. Thí sinh thuộc nhiều đối tượng ưu tiên cũng chỉ được hưởng một lần ưu tiên.

### 8. Các trường hợp đặc biệt sẽ do Viện trưởng xem xét, quyết định.

#### **Điều 8. Đăng ký dự tuyển**

1. Người dự tuyển căn cứ vào điều kiện văn bằng quy định ở trên, nhu cầu công tác và khả năng đào tạo của Viện để đăng ký dự tuyển.
2. Trong mỗi kỳ xét tuyển, thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển vào một ngành của Viện.

#### 3. Hồ sơ đăng ký dự tuyển: 01 bộ gồm:

- a) Phiếu đăng ký dự xét tuyển;
- b) Bản sao có công chứng: bằng tốt nghiệp đại học, bảng điểm đại học; bằng thạc sĩ, bảng điểm thạc sĩ; các minh chứng về trình độ ngoại ngữ. Đối với những thí sinh tốt nghiệp đại học, thạc sĩ tại cơ sở giáo dục nước ngoài: bằng và bảng điểm phải được công chứng sang tiếng Việt và có văn bản công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- c) Lý lịch khoa học;

d) Sơ yếu lý lịch tự thuật, có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú (có dán ảnh);

e) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học (*tối thiểu 1 trong 3 minh chứng dưới đây*):

- Các giấy tờ minh chứng về luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu;

- Bài báo, báo cáo khoa học đã công bố, gồm: trang bìa tạp chí, mục lục và toàn văn bài báo;

- Giấy tờ chứng minh thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

Ưu tiên các thí sinh có nhiều minh chứng về kinh nghiệm nghiên cứu khoa học: bài báo, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp...

f) Đề cương nghiên cứu;

g) Bản kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa dự kiến;

h) Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập do một cơ sở khám chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn 6 tháng;

i) Các giấy tờ hồ sơ liên quan khác (nếu có).

4. Thí sinh có trách nhiệm nộp đầy đủ hồ sơ, lệ phí đăng ký dự tuyển theo quy định, đúng thời hạn cho Viện. Các thay đổi hoặc thiếu sót phải được bổ sung đầy đủ trước ngày xét tuyển.

5. Viện chỉ đưa vào danh sách dự tuyển những thí sinh có đủ hồ sơ và điều kiện dự tuyển. Trước ngày xét tuyển, Viện phải công bố danh sách thí sinh dự tuyển.

### **Điều 9. Thông báo tuyển sinh**

1. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Viện ít nhất 30 ngày làm việc trước khi tổ chức tuyển sinh, trong đó bao gồm các thông tin:

a) Đối tượng và điều kiện dự tuyển;

b) Ngành tuyển sinh và yêu cầu chuyên môn phù hợp;

c) Chỉ tiêu tuyển sinh theo từng ngành đào tạo;

- d) Hồ sơ dự tuyển theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Quy chế này và thời gian nhận hồ sơ, lệ phí dự tuyển;
- e) Kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học;
- f) Học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh trong quá trình học tập (nếu có);
- g) Các yêu cầu và thông tin cần thiết khác.

2. Nội dung thông báo tuyển sinh đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và phù hợp với đề án tuyển sinh của cơ sở đào tạo.

#### **Điều 10. Hội đồng tuyển sinh**

1. Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh để điều hành các công việc liên quan đến công tác tuyển sinh.
2. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm:
  - a) Chủ tịch: Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng được Viện trưởng ủy quyền;
  - b) Phó Chủ tịch: Phó Viện trưởng được Viện trưởng chỉ định;
  - c) Ủy viên thường trực: Trưởng đơn vị hoặc Phó trưởng đơn vị phụ trách công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện (gọi tắt là Phòng Đào tạo sau đại học);
  - d) Các ủy viên: Trưởng hoặc Phó Trưởng các bộ môn;
  - e) Ban thường trực gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên thường trực để chỉ đạo công tác tuyển sinh và giải quyết các vấn đề phát sinh.

3. Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh chị em ruột) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh trong năm đó.

4. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh:
  - a) Tổ chức triển khai công tác tuyển sinh; thông qua đề án tuyển sinh, Thông báo tuyển sinh;
  - b) Giải quyết thắc mắc và khiếu nại, tố cáo liên quan đến công tác tuyển sinh;

c) Xem xét, đề nghị Viện trưởng điều chỉnh chỉ tiêu giữa các ngành cho phù hợp điều kiện thực tế nhưng không vượt quá tổng chỉ tiêu.

d) Xây dựng thang điểm xét tuyển;

e) Tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển;

f) Tổng kết công tác tuyển sinh;

#### **Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh**

1. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về công tác tuyển sinh của Viện; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn được thí sinh có động lực, năng lực, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu, theo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo

2. Quyết định thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh bao gồm Ban thư ký và các tiểu ban chuyên môn. Các ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

3. Phê duyệt thang điểm xét tuyển, kết quả xét tuyển, công nhận trúng tuyển.

4. Báo cáo với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có trách nhiệm về công tác tuyển sinh của Viện.

#### **Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của Phó chủ tịch Hội đồng tuyển sinh**

Phó Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh phân công và thay mặt Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giải quyết công việc khi Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ủy quyền.

#### **Điều 13. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh**

1. Ban thư ký được thành lập để giúp việc cho Ban thường trực và Hội đồng tuyển sinh. Thành phần Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có:

a) Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm;

b) Các ủy viên.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh:

a) Gửi thông báo tuyển sinh; đăng thông báo tuyển sinh và các thông tin có liên quan trên trang thông tin điện tử của Viện;

- b) Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển; thu lệ phí dự tuyển;
- c) Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh báo cáo Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh và gửi tới các tiểu ban chuyên môn;
- d) Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các tiểu ban chuyên môn, tổng hợp, báo cáo Hội đồng tuyển sinh xem xét;
- e) Thông báo kết quả xét tuyển cho các thí sinh dự tuyển;
- f) Triệu tập thí sinh trúng tuyển; tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ nhập học của các thí sinh trúng tuyển;
- g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh giao.

### 3. Trách nhiệm của Trưởng Ban thư ký:

- a) Lựa chọn những cán bộ có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, tác phong làm việc cẩn thận, có ý thức bảo mật, không có người thân (vợ, chồng, con, anh chị em ruột) dự tuyển để trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh xem xét ra quyết định thành lập Ban thư ký.
- b) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban thư ký.

### **Điều 14. Tiểu ban chuyên môn**

1. Căn cứ hồ sơ dự tuyển, ngành đăng ký và hướng nghiên cứu của các thí sinh, Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh ra quyết định thành lập các tiểu ban chuyên môn trên cơ sở đề xuất của Hội đồng tuyển sinh.

2. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh bao gồm ít nhất 5 người có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh.

3. Thành phần tiểu ban chuyên môn gồm có:

- a) Trưởng tiểu ban;
- b) Phó trưởng tiểu ban;
- b) Ủy viên thư ký;
- c) Các ủy viên.

4. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức đánh giá hồ sơ dự tuyển, đề cương nghiên cứu và kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của thí sinh, xếp loại các thí sinh dự tuyển theo kết quả xét tuyển, gửi kết quả cho Ban thư ký tổng hợp, báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

#### 5. Quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng tiểu ban chuyên môn

a) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh về toàn bộ nội dung tuyển sinh có liên quan tới trách nhiệm của tiểu ban;

b) Phân công ủy viên trong tiểu ban chuyên môn đọc và nhận xét bằng văn bản đối với hồ sơ dự tuyển của thí sinh;

c) Chủ trì phiên họp của tiểu ban đánh giá để cương nghiên cứu và hồ sơ dự tuyển và chịu trách nhiệm về kết luận cũng như kiến nghị của phiên họp đánh giá xét tuyển của Tiểu ban;

d) Kiến nghị Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh thay đổi hoặc đình chỉ việc đánh giá hồ sơ dự tuyển đối với những ủy viên thiếu trách nhiệm, vi phạm Quy chế.

#### **Điều 15. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh**

1. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển:

- a) Văn bằng, ngành học;
- b) Kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ;
- c) Trình độ ngoại ngữ;
- d) Thành tích nghiên cứu khoa học;
- e) Kinh nghiệm hoạt động chuyên môn;
- f) Chất lượng của đề cương nghiên cứu;

2. Trưởng tiểu ban chuyên môn cử ra hai ủy viên nhận xét bằng văn bản đối với đề cương nghiên cứu của mỗi thí sinh.

3. Ủy viên thư ký của tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm lập danh sách trích ngang của thí sinh làm cơ sở chấm điểm hồ sơ và thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của mỗi thí sinh.

4. Trình tự tiến hành buổi đánh giá xét tuyển, bao gồm:

a) Thí sinh trình bày đề cương nghiên cứu trước Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh trong tổng thời gian không quá 15 phút.

b) Hai ủy viên nhận xét trình bày ý kiến đánh giá bằng văn bản đối với đề cương nghiên cứu theo các nội dung sau:

Hình thức trình bày; ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài, sự phù hợp của mục tiêu nghiên cứu với ngành; tính khoa học, độ tin cậy, phù hợp của các phương pháp nghiên cứu để đạt được các mục tiêu đề ra; sự phù hợp của kế hoạch phân tích số liệu (dự kiến kết quả); tính khả thi của đề tài nghiên cứu; những đóng góp mới của đề tài nghiên cứu;

c) Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi để đánh giá thí sinh về các mặt: kiến thức chuyên môn, tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về ý tưởng đối với các mong muốn đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ, tính khả thi trong kế hoạch để đạt những mong muốn đó và những tư chất cần có của một nghiên cứu sinh.

d) Tiểu ban chuyên môn phải có văn bản nhận xét, đánh giá phân loại thí sinh về các nội dung trên và thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của thí sinh

4. Hình thức đánh giá: Từng thành viên trong tiểu ban chuyên môn căn cứ thang điểm đã xây dựng chấm điểm cho thí sinh. Điểm báo cáo đề cương là trung bình cộng các thang điểm của các thành viên tiểu ban có mặt trong buổi họp. Tiểu ban tổng hợp kết quả đánh giá, kết luận trong biên bản họp. Kết quả xét tuyển là tổng số điểm của điểm báo cáo đề cương, điểm hồ sơ và điểm ưu tiên (nếu có).

5. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh tổng hợp kết quả xét tuyển của các tiểu ban chuyên môn, báo cáo với Hội đồng tuyển sinh. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã được Viện trưởng quyết định cho từng ngành đào tạo, nguyên tắc xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh xác định danh sách thí sinh trúng tuyển, trình Viện trưởng phê duyệt.

Hội đồng tuyển sinh chỉ nhận các đơn đề nghị phúc khảo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công bố điểm và phải có phản hồi chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn.

6. Trong vòng hai tháng kể từ ngày bắt đầu kỳ tuyển sinh, Viện hoàn thành việc xét tuyển, báo cáo tình hình tuyển sinh, kết quả tuyển sinh với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **Điều 16. Công nhận nghiên cứu sinh**

Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển đã được Viện trưởng phê duyệt, Phòng đào tạo sau đại học gửi giấy báo nhập học đến các thí sinh. Sau khi thí sinh đăng ký nhập học chính thức, Viện trưởng phê duyệt quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

Quyết định công nhận nghiên cứu sinh có đầy đủ thông tin sau: tên nghiên cứu sinh, ngành đào tạo, tên đề tài luận án dự kiến, người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn, đơn vị chuyên môn quản lý nghiên cứu sinh, thời gian đào tạo kèm theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**

##### **Điều 17. Tổ chức hoạt động đào tạo**

1. Đào tạo trình độ tiến sĩ được triển khai theo hình thức chính quy tại Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy chế này, trừ một số hoạt động khảo sát, nghiên cứu, thí nghiệm hoặc đào tạo trực tuyến có thể được thực hiện ở bên ngoài Viện.

2. Viện có thể thỏa thuận với các cơ sở đào tạo khác để tổ chức giảng dạy những học phần chung và công nhận kết quả học tập lẫn nhau.

3. Viện tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp khi đáp ứng được các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; đảm bảo chất lượng các lớp học này không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp.

4. Việc đánh giá và tính điểm học phần trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ áp dụng quy định về đánh giá và tính điểm học phần theo quy chế đào tạo trình độ đại học.

5. Chương trình đào tạo do các bộ môn xây dựng, được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật định kỳ ít nhất một lần trong 5 năm và được thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo Viện trước khi trình Viện trưởng phê duyệt.

#### **Điều 18. Các học phần bổ sung**

Các học phần bổ sung là các học phần giúp nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của nghiên cứu sinh.

1. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ, các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành tương ứng, được thực hiện trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ, đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu 30 tín chỉ.

2. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ ngành phù hợp cần học bổ sung, các môn học bổ sung phải được quy định trong chương trình đào tạo của ngành tương ứng.

3. Kinh phí cho các học phần bổ sung do nghiên cứu sinh tự chi trả.

#### **Điều 19. Các học phần ở trình độ tiến sĩ**

1. Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu. Mỗi học phần tiến sĩ được thiết kế với khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành các học phần với khối lượng tối đa 16 tín chỉ.

2. Việc tổ chức giảng dạy và đánh giá các học phần ở trình độ tiến sĩ được triển khai tại Viện.

3. Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần lựa chọn, trong đó:

a) Các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành (hoặc nhóm ngành, lĩnh vực);

b) Các học phần lựa chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài nghiên cứu sinh hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết và trình bày bài báo khoa học, báo cáo khoa học;

- c) Các học phần sẽ được quy định cụ thể cho từng ngành đào tạo.
- d) Nếu học phần có điểm dưới 5,0 (thang điểm 10) nghiên cứu sinh phải thi lại học phần tương ứng.

#### **Điều 20. Đề cương nghiên cứu chi tiết**

1. Sau khi được công nhận trúng tuyển, nghiên cứu sinh phải bảo vệ đề cương nghiên cứu chi tiết. Trong đó, đề cương nghiên cứu chi tiết cần nêu cụ thể lý do chọn đề tài, tính cấp thiết của đề tài, phương pháp nghiên cứu và các bước tiến hành, dự kiến các kết quả nghiên cứu với khối lượng 6 tín chỉ.

2. Hội đồng đồng đánh giá đề cương nghiên cứu chi tiết do Viện trưởng ra quyết định thành lập gồm 05 thành viên; các thành viên đều là những người có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ, tiến sĩ khoa học, am hiểu về lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh. Kết luận của Hội đồng đánh giá đề cương chi tiết cần nêu rõ việc thông qua hay không thông qua.

3. Đối với các nghiên cứu y sinh học có đối tượng nghiên cứu là con người; các đề tài nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng bao gồm nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng thuộc giai đoạn 1, 2, 3, 4; nghiên cứu thử nghiệm trang thiết bị mới; nghiên cứu thử nghiệm quy trình kỹ thuật mới... cần phải tuân thủ theo các hướng dẫn về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học, thực hành lâm sàng tốt (GCP) và phải được xem xét, thẩm định, thông qua Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học theo đúng quy định hiện hành. Hồ sơ đề nghị thông qua Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của Viện được nộp sau khi nghiên cứu sinh đã hoàn thành việc bảo vệ đề cương nghiên cứu chi tiết.

#### **Điều 21. Các chuyên đề tiến sĩ**

1. Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng 6 tín chỉ. Các chuyên đề tiến sĩ được giảng dạy trực tiếp bởi người được phân công hướng dẫn.

2. Các chuyên đề tiến sĩ được đánh giá theo hình thức nghiên cứu sinh báo cáo và trả lời câu hỏi trước Hội đồng. Hội đồng đánh giá chuyên đề gồm 03 thành viên, được thành lập theo quyết định của Viện trưởng, là những người có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ, tiến sĩ khoa học, am hiểu về lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

Điểm đánh giá chuyên đề theo thang điểm 10, điểm của mỗi chuyên đề là trung bình cộng các phiếu hợp lệ của các thành viên Hội đồng có mặt, lấy đến hai chữ số sau dấu phẩy (không cần làm tròn). Trong đó, điểm **dưới 5,0**: xếp loại không đạt; **từ 5,0 đến 6,99**: loại trung bình; **từ 7,0 đến 8,99**: loại khá; **từ 9,0 đến 9,49**: loại giỏi; **từ 9,5 trở lên**: xuất sắc. Nếu chuyên đề có điểm xếp loại không đạt, nghiên cứu sinh phải bảo vệ lại chuyên đề tương ứng.

3. Nghiên cứu sinh có học phần, chuyên đề tiến sĩ không đạt yêu cầu theo quy định của Viện sẽ không được tiếp tục làm nghiên cứu sinh. Trường hợp này, nghiên cứu sinh được công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu theo quy định tại Điều 24 của Quy chế này.

### **Điều 22. Luận án tiến sĩ**

Luận án là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án. Nghiên cứu sinh phải đảm bảo về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu khoa học của mình, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình. Khuyến khích nghiên cứu sinh viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh.

### **Điều 23. Những thay đổi trong quá trình đào tạo**

1. Nghiên cứu sinh và người hướng dẫn được đề xuất với Viện về việc thay đổi đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, thay đổi ngành học và chuyên cơ sở đào tạo. Việc thay đổi phải kèm theo điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và bảo đảm thời gian đào tạo tuân thủ quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

2. Trong trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, trước khi hết hạn, nghiên cứu sinh phải làm thủ tục xin gia hạn học tập. Thời gian gia hạn phải đảm bảo tổng thời gian đào tạo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy chế này.

3. Trong thời hạn học tập ghi trong quyết định công nhận nghiên cứu sinh, mỗi nghiên cứu sinh được Viện thanh toán kinh phí 01 lần cho việc học các chứng chỉ của học phần tiến sĩ, các phiên họp của Hội đồng đánh giá đề cương

nghiên cứu chi tiết, đánh giá chuyên đề, đánh giá luận án cấp cơ sở, đánh giá luận án cấp Viện và Phản biện độc lập lần thứ nhất, ban thẩm định hồ sơ, Hội đồng Khoa học và Đào tạo xét cấp bằng tiến sĩ theo mức chi được Viện phê duyệt.

4. Nghiên cứu sinh phải chi trả trên nguyên tắc bù đắp chi phí cho các hoạt động sau:

- a) Các hoạt động thực hiện trong thời gian gia hạn;
- b) Học lại chứng chỉ của các học phần, các phiên họp phát sinh do yêu cầu của các Hội đồng, phiên họp Hội đồng thẩm định luận án (nếu có) theo quy định tại khoản 2 Điều 34 hoặc phải thực hiện quy trình phản biện độc lập kể từ lần thứ hai.

5. Nghiên cứu sinh bị buộc thôi học trong những trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành chương trình đào tạo trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Quy chế này;
- b) Không được phản biện độc lập lần thứ hai thông qua;
- c) Vi phạm nghiêm trọng quy định về thực hiện trách nhiệm của nghiên cứu sinh hoặc quy định của pháp luật đã được hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận;
- d) Vi phạm quy định của Viện ở mức độ buộc thôi học.

#### **Điều 24. Công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu**

1. Kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh đã tích lũy trong chương trình đào tạo tiến sĩ được bảo lưu, xem xét công nhận, chuyển đổi trong những trường hợp sau:

- a) Nghiên cứu sinh bị thôi học và có nguyện vọng được tiếp tục theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành;
- b) Nghiên cứu sinh chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo;
- c) Nghiên cứu sinh đã thôi học, đăng ký dự tuyển lại và được công nhận là nghiên cứu sinh mới của cơ sở đào tạo đã theo học.

2. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của nghiên cứu sinh phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của chương trình đào

tạo, được thực hiện trên cơ sở đề xuất của hội đồng chuyên môn. Trường hợp chuyển cơ sở đào tạo hoặc là nghiên cứu sinh mới, việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu tối đa không quá 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo. Hội đồng xét công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu do Viện trưởng thành lập, phù hợp với ngành đào tạo của nghiên cứu sinh.

3. Quy trình thực hiện việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh như sau:

a) Sau khi có đơn đề nghị của nghiên cứu sinh kèm xác nhận của cán bộ hướng dẫn, Phòng Đào tạo sau đại học tiến hành:

- Chuẩn bị hồ sơ kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh, đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều này;

- Trình Viện trưởng xem xét, thành lập Hội đồng xét công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu. Hội đồng gồm 5 thành viên, trong đó có đại diện của bộ môn nghiên cứu sinh theo học và Phòng Đào tạo sau đại học.

b) Hội đồng xem xét mức độ phù hợp của khối lượng kiến thức mà nghiên cứu sinh tích lũy được với nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo, kết luận trong biên bản họp.

c) Sau khi Hội đồng thông qua, Viện trưởng ký ban hành quyết định công nhận việc chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

#### **Điều 25. Quyền và trách nhiệm của nghiên cứu sinh trong quá trình đào tạo**

1. Thực hiện quy định tại các Điều 60, 61 Luật giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

2. Xây dựng và đề xuất kế hoạch học tập và nghiên cứu chi tiết từng năm trên cơ sở kế hoạch toàn khóa đã được phê duyệt tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh, trong đó có kế hoạch làm việc và báo cáo với người hướng dẫn; thực hiện kế hoạch đã được người hướng dẫn và bộ môn thông qua; định kỳ 06 tháng báo cáo tiến độ và kết quả học tập, nghiên cứu cho bộ môn; đề xuất với người hướng dẫn và bộ môn về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu.

3. Tham gia sinh hoạt khoa học tại bộ môn như một giảng viên trợ giảng, nghiên cứu viên cơ hữu; tham gia thực hiện các nhiệm vụ, để tài nghiên cứu theo phân công của người hướng dẫn.

4. Tuân thủ quy định của cơ sở đào tạo về liêm chính học thuật, bảo đảm kết quả công bố xuất phát từ nghiên cứu của cá nhân với sự hỗ trợ của người hướng dẫn; ghi nhận và trích dẫn đầy đủ sự tham gia của cá nhân, tập thể hoặc tổ chức khác (nếu có).

5. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định.

#### **Điều 26. Quyền và trách nhiệm của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ và người hướng dẫn nghiên cứu sinh**

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018), theo quy chế của Viện và theo quy định pháp luật liên quan.

2. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 nghiên cứu sinh. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 nghiên cứu sinh được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 nghiên cứu sinh.

3. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh có trách nhiệm:

a) Thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và hằng năm của nghiên cứu sinh; hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu theo kế hoạch đã thông qua;

b) Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

c) Đề xuất để nghiên cứu sinh được đánh giá luận án tại bộ môn và được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

d) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy chế của Viện.

## Chương IV

### **ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ**

#### **Điều 27. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ**

1. Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, phải do nghiên cứu sinh thực hiện và đáp ứng được những mục tiêu và yêu cầu quy định tại Điều 22 của Quy chế này.

2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:

a) Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có). Nếu sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận án không được duyệt để bảo vệ.

b) Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà nghiên cứu sinh là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép nghiên cứu sinh được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;

c) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

3. Luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và bàn luận của nghiên cứu sinh. Cấu trúc của luận án tiến sĩ bao gồm các phần và chương sau:

a) Phần đặt vấn đề: giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài, xác định mục tiêu của đề tài;

b) Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: tổng hợp các tư liệu khoa học, phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết;

c) Phương pháp nghiên cứu đã sử dụng trong luận án;

d) Kết quả nghiên cứu: trình bày kết quả đạt được theo các mục tiêu của luận án, mô tả ngắn gọn công việc nghiên cứu khoa học đã tiến hành, các số liệu nghiên cứu khoa học hoặc số liệu thực nghiệm;

e) Bàn luận căn cứ vào các dẫn liệu khoa học thu được trong quá trình nghiên cứu của đề tài luận án hoặc đối chiếu với kết quả nghiên cứu của các tác giả khác thông qua các tài liệu tham khảo;

f) Kết luận: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu;

g) Kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;

h) Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án;

i) Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;

j) Phụ lục (nếu có).

4. Luận án tiến sĩ được tiến hành đánh giá qua hai cấp:

a) Đánh giá luận án cấp cơ sở;

b) Đánh giá luận án cấp Viện.

#### **Điều 28. Đánh giá luận án cấp cơ sở**

1. Việc đánh giá luận án cấp cơ sở được tổ chức khi nghiên cứu sinh đáp ứng đủ những yêu cầu sau:

a) Đã hoàn thành các chương trình đào tạo quy định tại các Điều 18, 19, 20 và 21 của Quy chế này;

b) Có bản thảo luận án tiến sĩ được người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn đồng ý đề xuất được đánh giá ở cấp cơ sở;

c) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các án phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

Nội dung chủ yếu kết quả nghiên cứu của luận án phải được báo cáo ít nhất 2 lần tại Hội nghị khoa học nghiên cứu sinh hàng năm của Viện.

d) Điều kiện tại điểm c khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế.

e) Được tập thể hoặc người hướng dẫn nghiên cứu sinh đồng ý cho đăng ký đánh giá luận án ở cấp bộ môn bằng văn bản, trong đó khẳng định chất lượng luận án; nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh và đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án.

g) Hoàn thành các nghĩa vụ tài chính của toàn bộ thời gian đào tạo kể cả thời gian gia hạn.

2. Việc đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện; các thành viên của bộ môn, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

3. Viện trưởng thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở, gồm 7 thành viên, có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ ở trong và ngoài Viện, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực **nghiên cứu của nghiên cứu sinh**. **Hội đồng** gồm Chủ tịch, ủy viên thư ký, hai phản biện và các ủy viên Hội đồng. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng. Khuyến khích mời các nhà khoa học giỏi là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài làm phản biện trong Hội đồng.

Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của NCS; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Viện ;

4. Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 10 ngày. Các thành viên Hội đồng phải đọc luận án và viết nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá

luận án, trong đó phải chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa, bổ sung.

5. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- b) Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- c) Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;
- d) Nghiên cứu sinh đang trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

6. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu (tán thành, tán thành có chỉnh sửa hoặc không tán thành). Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng cấp Viện nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi họp bỏ phiếu không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Ban kiểm phiếu của Hội đồng gồm 03 người (một trưởng ban và hai ủy viên). Chủ tịch Hội đồng không tham gia ban kiểm phiếu.

7. Trình tự tiến hành buổi đánh giá luận án cấp cơ sở:

- a) Đại diện Phòng Đào tạo sau đại học tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở của Viện trưởng.
- b) Chủ tịch hội đồng điều khiển buổi họp đánh giá luận án, công bố số lượng thành viên của hội đồng.
- c) Ủy viên thư ký đọc các điều kiện để được tiến hành đánh giá luận án cấp cơ sở quy định tại khoản 4, 5 Điều này, lý lịch khoa học của nghiên cứu sinh.
- d) Nghiên cứu sinh trình bày tóm tắt luận án không quá 30 phút.
- e) Hai người phản biện luận án trình bày các ý kiến nhận xét.
- f) Các thành viên hội đồng và những người tham dự đặt câu hỏi hoặc phát biểu ý kiến về những kết quả đã đạt được, những điểm mới của luận án, những vấn đề chưa giải quyết được, những điểm cần bổ sung hoặc sửa chữa.
- g) Nghiên cứu sinh trả lời các câu hỏi và các ý kiến thảo luận.

h) Nếu không còn vấn đề tranh luận hoặc các vấn đề đã được làm rõ, Hội đồng họp riêng để thảo luận, thông qua Quyết nghị của Hội đồng, bầu Ban kiểm phiếu và bỏ phiếu kín.

i) Dựa vào nhận xét của các thành viên, Hội đồng thảo luận để thông qua kết luận của Hội đồng.

j) Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả đánh giá luận án.

k) Chủ tịch hội đồng công bố quyết nghị của Hội đồng. Quyết nghị của Hội đồng cần khẳng định:

- Tên đề tài luận án có phù hợp với nội dung và mã ngành, có trùng lặp về đề tài và nội dung với các luận án đã bảo vệ trong và ngoài nước hay không; đề nghị về việc điều chỉnh tên đề tài, mục tiêu nếu cần thiết;

- Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài;

- Những kết quả mới đã đạt được; nhận định về chất lượng công trình và tạp chí đăng bài của nghiên cứu sinh;

- Những thiếu sót của luận án, vấn đề cần bổ sung, sửa chữa;

- Mức độ đáp ứng yêu cầu của luận án tiến sĩ cả về nội dung và hình thức theo quy định tại Điều 27 của Quy chế này;

- Kết luận: Đề nghị Viện trưởng cho phép hoặc chưa cho phép nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Viện.

8. Biên bản cuộc họp đánh giá luận án cấp cơ sở cần ghi rõ:

a) Thành viên Hội đồng có mặt (họ tên, học vị, chức danh khoa học, chuyên ngành, nơi làm việc, trách nhiệm trong Hội đồng);

b) Khách tham dự (họ tên, học vị, chức danh khoa học, chuyên ngành, nơi làm việc);

c) Chi tiết diễn biến buổi bảo vệ, những câu hỏi hoặc ý kiến trao đổi, phát biểu của thành viên Hội đồng và khách mời (ghi rõ họ tên, học vị, chức danh khoa học của người hỏi) và trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi.

#### **Điều 29. Phản biện độc lập luận án**

1. Phản biện độc lập là quy trình bắt buộc trước khi luận án của nghiên cứu sinh được đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Chậm

nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm nghiên cứu sinh hoàn thành thủ tục trình luận án sau khi đã được bộ môn thông qua, Viện phải hoàn thành quy trình phản biện độc lập cho nghiên cứu sinh; riêng trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 03 tháng.

2. Luận án của nghiên cứu sinh được gửi lấy ý kiến phản biện của 02 nhà khoa học hoặc chuyên gia không phải là cán bộ của Viện, có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án, đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn độc lập quy định tại Điều 5 của Quy chế này. Người phản biện độc lập không có lợi ích liên quan trực tiếp tới nghiên cứu sinh và người hướng dẫn; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với nghiên cứu sinh; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ trực tiếp nghiên cứu sinh về chuyên môn liên quan đến nội dung luận án và người hướng dẫn trong quá trình thực hiện luận án.

Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Viện trưởng trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án tiến sĩ và quyết định cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án. Khuyến khích lấy ý kiến của phản biện độc lập ở nước ngoài, nhất là đối với những luận án thuộc lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ.

3. Việc phản biện độc lập phải đảm bảo khách quan và minh bạch. Ý kiến kết luận của người phản biện độc lập đối với luận án phải ghi rõ đồng ý hay không đồng ý về chuyên môn. Luận án được xác định là đạt quy trình phản biện độc lập khi được 02 người phản biện độc lập đồng ý. Nếu có 01 người phản biện không đồng ý, Viện gửi luận án để lấy ý kiến của thêm 01 người phản biện độc lập khác làm căn cứ quyết định. Trong trường hợp 02 người phản biện độc lập không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án, Viện yêu cầu nghiên cứu sinh và người hướng dẫn chỉnh sửa, bổ sung luận án và triển khai quy trình gửi lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai. Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba.

4. Thông tin về người phản biện độc lập được giữ kín đối với nghiên cứu sinh và người hướng dẫn. Người phản biện độc lập không tiếp xúc hoặc yêu cầu nghiên cứu sinh cung cấp thông tin, giải trình ý kiến phản biện. Mọi liên

hệ với người phản biện trong quá trình phản biện độc lập được thực hiện theo đúng quy định của Viện. Những ý kiến giải trình của nghiên cứu sinh được gửi cho Phòng Đào tạo sau đại học và trình bày tại buổi bảo vệ luận án cấp Viện. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của cơ sở đào tạo. Bộ môn, người hướng dẫn và nghiên cứu sinh không được tìm hiểu về phản biện độc lập. Các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

5. Người phản biện độc lập có nhiệm vụ đọc kỹ luận án, bài báo, công trình khoa học đã công bố của nghiên cứu sinh và có ý kiến đánh giá về giá trị khoa học, những đóng góp của luận án cho lĩnh vực khoa học chuyên ngành; những điểm đúng, sai của luận án; sự phù hợp của đề tài luận án với mã số chuyên ngành; sự không trùng lặp của đề tài, số liệu, kết quả nghiên cứu, kết luận của luận án; tính trung thực, rõ ràng trong trích dẫn; sự phản ánh kết quả luận án trong những công trình đã công bố; nhận định về chất lượng công trình và tạp chí đăng bài cho nghiên cứu sinh; những yêu cầu đòi hỏi nghiên cứu sinh phải bổ sung, hoàn chỉnh luận án. Để kết luận, phản biện độc lập cần cho ý kiến đồng ý hay không đồng ý để luận án được bảo vệ cấp Viện.

6. Khi cả hai phản biện độc lập tán thành luận án, toàn văn bản nhận xét (không có tên) của phản biện độc lập sẽ được Phòng Đào tạo sau đại học sao gửi cho nghiên cứu sinh nghiên cứu, tiếp thu, sửa chữa hoặc bảo lưu quan điểm của mình, giải trình bằng văn bản, trong đó có ý kiến xác nhận và chữ ký của người hướng dẫn nộp lại cho Phòng Đào tạo sau đại học. Đồng thời, nghiên cứu sinh hoàn chỉnh và gửi một bản luận án đóng bìa cứng, một bản tóm tắt luận án và bản giải trình về việc tiếp thu, sửa chữa theo ý kiến của các phản biện độc lập về Phòng Đào tạo sau đại học để làm thủ tục trình Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

#### 7. Quy trình xin ý kiến của phản biện độc lập:

a) Người phụ trách Phòng Đào tạo sau đại học trình Viện trưởng hoặc người được Viện trưởng ủy quyền hồ sơ xin ý kiến phản biện độc lập gồm: 01 quyền luận án, 01 quyền tóm tắt luận án, 01 bộ bài báo có đầy đủ thông tin cùng danh sách ít nhất 10 nhà khoa học (có chức danh khoa học, có bằng tiến

sĩ khoa học hoặc tiến sĩ) có trình độ chuyên môn cao và chuyên sâu theo hướng đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

b) Căn cứ vào nội dung luận án và tham khảo danh sách các nhà khoa học, Viện trưởng quyết định danh sách hai phản biện độc lập để xin ý kiến;

c) Người phụ trách Phòng Đào tạo sau đại học có trách nhiệm gửi các hồ sơ đã xóa thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn tới hai phản biện độc lập theo danh sách đã được Viện trưởng phê duyệt. Hồ sơ bao gồm: 01 quyển luận án, 01 quyển tóm tắt luận án, 01 bộ bài báo;

d) Sau khi nhận phản hồi của phản biện độc lập, người phụ trách Phòng Đào tạo sau đại học tổng hợp, hướng dẫn nghiên cứu sinh thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 6 của Điều này;

e) Trong trường hợp luận án phải lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ 2, quy trình thực hiện như lần đầu.

### **Điều 30. Đánh giá luận án cấp Viện**

1. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ để được bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện:

a) Luận án của nghiên cứu sinh được bộ môn đề nghị đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

b) Đạt quy trình phản biện độc lập;

c) Tuân thủ quy định của Viện về hình thức trình bày, kiểm soát đạo văn và những tiêu chuẩn về liêm chính học thuật; minh bạch nguồn tham khảo kết quả nghiên cứu chung của nghiên cứu sinh và của những tác giả khác (nếu có) và thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện gồm:

a) Đơn xin bảo vệ luận án cấp Viện có xác nhận của người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn và bộ môn quản lý nghiên cứu sinh;

b) Toàn văn luận án;

c) Tóm tắt luận án;

d) Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

- e) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 27 Quy chế này (nếu có);
- f) Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ;
- g) Quyết định công nhận nghiên cứu sinh và minh chứng những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);
- h) Bản nhận xét của các phản biện độc lập;
- i) Những tài liệu khác (nếu có).

Nghiên cứu sinh có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu theo quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 2 Điều này; các tài liệu còn lại do cơ sở đào tạo tập hợp.

3. Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Hội đồng gồm 07 thành viên, trong đó: số thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư không quá 02 người; số thành viên ngoài Viện tối thiểu là 02 người. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng như sau:

- a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài;
- b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh;
- c) Có năng lực nghiên cứu như tiêu chuẩn của người hướng dẫn chính theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này. Riêng thư ký Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 4 của Quy chế này;
- d) Không có quan hệ là cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của nghiên cứu sinh.

4. Thành phần Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, trong đó:

- a) Chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với chuyên môn của đề tài luận án, là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của Viện;
- b) Phản biện gồm 03 người, trong đó có 01 phản biện là người của Viện, các phản biện còn lại thuộc các đơn vị khác nhau ngoài Viện. Các phản biện

phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó và không được là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong những công bố khoa học có liên quan đến luận án;

c) 01 người hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể được mời tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên.

5. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ khi luận án của nghiên cứu sinh đạt quy trình phản biện độc lập, Viện phải tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Việc tổ chức buổi đánh giá luận án cấp Viện cho nghiên cứu sinh phải bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét luận án bằng văn bản gửi đến Phòng Đào tạo sau đại học của Viện 05 ngày trước ngày bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh. Văn bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng phải đánh giá đầy đủ, cụ thể về bối cảnh và hình thức của luận án; về nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được, trong đó phải nêu bật được những đóng góp mới cho khoa học của luận án;

b) Thời gian, địa điểm tổ chức đánh giá luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh, tóm tắt luận án được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Viện trước ngày bảo vệ (trừ trường hợp đánh giá luận án theo chế độ mật);

c) Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;

- Vắng mặt Thư ký Hội đồng;

- Vắng mặt quá 01 người

- Nghiên cứu sinh đang trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

d) Trường hợp tổ chức đánh giá luận án theo hình thức trực tuyến phải bảo đảm có ít nhất 03 thành viên Hội đồng có mặt trực tiếp cùng nghiên cứu sinh; trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh bất khả kháng thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

e) Mọi thủ tục chuẩn bị tổ chức buổi đánh giá luận án do Phòng Đào tạo sau đại học thực hiện; nghiên cứu sinh và người hướng dẫn không tiếp xúc hoặc liên hệ với các thành viên Hội đồng trước buổi đánh giá luận án.

6. Trong trường hợp cần thiết (vì lý do khách quan hoặc do có thành viên đề nghị không tham gia Hội đồng), Viện trưởng quyết định về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng. Thời hạn liên quan đến hoạt động của Hội đồng được tính từ ngày quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên có hiệu lực, nhưng phải đảm bảo luận án của nghiên cứu sinh được đánh giá ở cấp Viện trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ khi luận án đạt quy trình phản biện độc lập.

Hội đồng đánh giá luận án tự giải thể sau khi hoàn thành việc đánh giá luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh.

7. Luận án phải được tổ chức bảo vệ công khai. Những đề tài liên quan tới bí mật quốc gia được tổ chức bảo vệ theo quy định tại Điều 32 của Quy chế này. Việc bảo vệ luận án phải mang tính chất trao đổi học thuật, phải bảo đảm tính nguyên tắc và nêu cao đạo đức khoa học, qua đó tác giả luận án thể hiện trình độ và sự hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn của mình trước Hội đồng và những người quan tâm. Mọi thành viên Hội đồng phải có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về bản luận án trước khi đánh giá. Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi. Biên bản phải được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và ủy viên thư ký Hội đồng. Trong trường hợp tổ chức đánh giá luận án trực tuyến, diễn biến buổi họp phải được ghi âm, ghi hình đầy đủ và lưu trữ tại Phòng Đào tạo sau đại học.

8. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu (tán thành hoặc không tán thành). Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá không đồng ý về chuyên môn. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Ban kiểm phiếu của Hội đồng gồm 03 người (một trưởng ban và hai ủy viên). Chủ tịch Hội đồng không tham gia ban kiểm phiếu.

9. Hội đồng phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ:

- a) Ý nghĩa về lý luận, thực tiễn và những đề nghị sử dụng các kết quả nghiên cứu của luận án;
- b) Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án;
- c) Những kết luận khoa học cơ bản, những điểm đóng góp mới của luận án;
- d) Mức độ đáp ứng các yêu cầu của luận án, chất lượng công trình và tạp chí đăng bài của nghiên cứu sinh;
- e) Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có) trước khi nộp luận án cho Thư viện Quốc gia Việt Nam;
- f) Căn cứ kết quả bỏ phiếu, Hội đồng thông qua hoặc không thông qua luận án; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại luận án trong trường hợp không thông qua.

Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc chỉnh sửa, bổ sung luận án theo Quyết nghị của Hội đồng (nếu có) và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã chỉnh sửa, bổ sung, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận văn bản này của nghiên cứu sinh.

#### 10. Trình tự buổi bảo vệ luận án cấp Viện:

Buổi bảo vệ luận án cấp Viện được tiến hành theo trình tự sau đây:

- a) Người đại diện của Viện tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện và đề nghị chủ tịch Hội đồng điều khiển phiên họp.
- b) Chủ tịch Hội đồng công bố danh sách thành viên có mặt và công bố chương trình làm việc.
- c) Ủy viên thư ký Hội đồng đọc các điều kiện chuẩn bị cho buổi bảo vệ, lý lịch khoa học và tóm tắt quá trình đào tạo của nghiên cứu sinh.
- d) Các thành viên Hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi hoặc ý kiến thắc mắc (nếu có) về lý lịch khoa học và quá trình đào tạo của nghiên cứu sinh.
- e) Nghiên cứu sinh trình bày nội dung luận án trong thời gian không quá 30 phút.

- f) Các phản biện trình bày bản nhận xét luận án.
- g) Các thành viên Hội đồng khác trình bày các ý kiến nhận xét.
- h) Hội đồng và các nhà khoa học tham dự thảo luận, nêu câu hỏi với nghiên cứu sinh.
- i) Nghiên cứu sinh trả lời câu hỏi và các ý kiến thảo luận.
- j) Đại diện tập thể hướng dẫn phát biểu ý kiến.
- k) Hội đồng họp riêng để thảo luận thông qua quyết nghị của Hội đồng, bầu Ban kiểm phiếu và bỏ phiếu kín.
- l) Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả đánh giá luận án.
- m) Chủ tịch Hội đồng đọc Quyết nghị của Hội đồng.
- n) Nghiên cứu sinh phát biểu ý kiến.
- o) Đại diện cơ quan công tác của nghiên cứu sinh phát biểu ý kiến (nếu có yêu cầu).
- p) Chủ tịch Hội đồng tuyên bố kết thúc buổi bảo vệ.

### **Điều 31. Đánh giá lại luận án ở cấp Viện**

1. Trong trường hợp luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua ở buổi bảo vệ lần thứ nhất nhưng được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm tổ chức đánh giá luận án lần thứ nhất, Viện quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án lần thứ hai.
2. Không tổ chức đánh giá lại luận án khi không có kiến nghị của Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá lại luận án lần thứ ba.
3. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện lần thứ hai phải có tối thiểu 03 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất, trong đó có đủ những thành viên có ý kiến không tán thành luận án.
4. Quy trình, thủ tục bảo vệ lại luận án cấp Viện theo đúng quy định như lần đánh giá thứ nhất.

### **Điều 32. Đánh giá luận án theo chế độ mật**

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì Viện trưởng

phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo căn cứ xác định tính chất mật của đề tài và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.

2. Nghiên cứu sinh thực hiện những đề tài luận án được xác định là mật phải đáp ứng những yêu cầu chung đối với nghiên cứu sinh, riêng các yêu cầu tại điểm c và d khoản 1 Điều 28 của Quy chế này có thể thay thế bằng những báo cáo nội bộ có giá trị về khoa học và thực tiễn của lĩnh vực nghiên cứu được cơ sở đào tạo xác nhận.

3. Việc tổ chức đào tạo, nghiên cứu, đánh giá luận án, quản lý hồ sơ và tài liệu liên quan thực hiện theo quy định bảo mật của pháp luật.

### **Điều 33. Công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ**

1. Nghiên cứu sinh được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua;

b) Nghiên cứu sinh đã nộp luận án hoàn chỉnh cuối cùng (cả bản in và bản điện tử) có chữ ký của nghiên cứu sinh, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận của Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung luận án (nếu có) theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện;

c) Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam và Thư viện của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương (cả bản in và bản điện tử) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, người hướng dẫn và xác nhận của Viện.

2. Viện đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của nghiên cứu sinh trên trang thông tin điện tử của Viện (trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật) trong thời gian 03 tháng kể từ khi nghiên cứu sinh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, Viện tổ chức xét và ban hành quyết định công nhận trình độ tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

4. Viện lập hồ sơ xét công nhận trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ, bao gồm:

- a) Biên bản của buổi đánh giá luận án ở cấp Viện;
- b) Quyết nghị đồng ý thông qua luận án của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;
- c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá luận án có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án cấp Viện;
- d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn nghiên cứu sinh; bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện (nếu có);
- e) Phiếu thẩm định của Ban thẩm định hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ.

5. Viện thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định công nhận trình độ tiến sĩ có hiệu lực.

6. Viện trưởng thành lập ban thẩm định để kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo của nghiên cứu sinh. Hồ sơ đạt yêu cầu thẩm định sẽ được đề nghị thông qua trong cuộc họp thường kỳ của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Viện và trình Viện trưởng xem xét, quyết định công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

**Điều 34. Xử lý kết quả sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo và thẩm định chất lượng luận án**

1. Đối với những trường hợp hồ sơ kiểm tra quá trình đào tạo đã đạt yêu cầu, Viện tiến hành công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ theo quy định tại Điều 33 của Quy chế này.

2. Đối với những trường hợp hồ sơ kiểm tra quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu, Viện có trách nhiệm giải trình những vấn đề liên quan, bổ sung minh chứng và đề xuất hướng xử lý với Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định hiện hành.

3. Đối với những trường hợp chất lượng luận án không đạt yêu cầu:

a) Viện tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án do Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập dưới sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Hội đồng chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án;

c) Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt trở lên không thông qua. Trong trường hợp này, Viện tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 09 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về chất lượng luận án.

4. Trường hợp quá trình đào tạo và chất lượng luận án sau khi thực hiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này vẫn không đạt yêu cầu, Viện xem xét, quyết định thực hiện theo các phương án sau:

a) Nếu chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được phép bổ sung, hoàn thiện các điều kiện để được cấp bằng (đối với trường hợp kiểm tra quá trình đào tạo) trong thời gian đào tạo ghi tại quyết định công nhận nghiên cứu sinh và bao gồm cả thời gian được phép kéo dài (nếu có); hoặc được đánh giá lại luận án nếu chưa đánh giá lần thứ hai (đối với trường hợp thẩm định chất lượng luận án) trong thời hạn tối đa 06 tháng;

b) Nếu nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ, việc thu hồi bằng được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp: hồ sơ quá trình đào tạo được xác nhận có vi phạm, sai sót nghiêm trọng dẫn đến người được cấp bằng không còn bảo đảm đáp ứng điều kiện dự tuyển, công nhận nghiên cứu sinh và duy trì các điều kiện đảm bảo chất lượng trong quá trình học tập và nghiên cứu tại Viện; sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án và bị Hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định của Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như Quy chế của Viện; luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này.

5. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả kiểm tra, thẩm định cuối cùng hoặc

ngày có kết quả cuộc họp đối thoại, Viện có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định kèm theo minh chứng.

## Chương V

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### **Điều 35. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin**

1. Viện Vệ sinh dịch tễ trung ương thực hiện đầy đủ chế độ cập nhật và công khai thông tin, bao gồm:

a) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu nội bộ và cập nhật dữ liệu về đào tạo tiến sĩ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học bao gồm: thông tin tuyển sinh; thông tin của nghiên cứu sinh; thông tin của giảng viên và người hướng dẫn; thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ liên quan đến đào tạo tiến sĩ; thông tin về cấp bằng tiến sĩ; tóm tắt và toàn văn luận án hoàn chỉnh của nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam;

b) Công bố trên website của Viện quy chế và các quy định quản lý đào tạo có liên quan đến tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ và các điều kiện đảm bảo chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và những thông tin khác theo quy định trước khi tuyển sinh và tổ chức đào tạo,

2. Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách nghiên cứu sinh đã bảo vệ và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện trong 02 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục III); thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hàng năm (theo mẫu tại Phụ lục IV) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

3. Lưu trữ, bảo quản hồ sơ tuyển sinh và quá trình đào tạo, cấp bằng của nghiên cứu sinh theo quy định hiện hành.

#### **Điều 36. Công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát nội bộ**

Công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát nội bộ việc thực hiện quy chế về tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ được triển khai theo quy định hiện hành. Hàng năm, Viện thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ, thành phần gồm: Lãnh đạo Viện phụ trách pháp chế và người đại diện các đơn vị: Ban Thanh tra nhân dân, Phòng Tổ chức cán bộ, Trung tâm đảm bảo chất lượng xét nghiệm và Kiểm chuẩn (người có chuyên môn về Quản lý chất

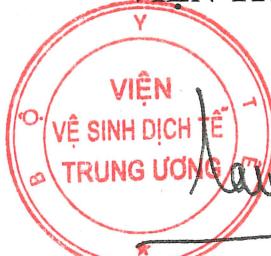
lượng), Trung tâm Đào tạo và Quản lý khoa học (người không trực tiếp tham gia công tác đào tạo sau đại học).

### **Điều 37. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với các khoá đã tuyển sinh trước ngày Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực thi hành, việc tổ chức đào tạo tiếp tục thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 5 của Quy chế này đối với các khóa đã tuyển sinh theo Thông tư 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017./. *Phu*

**VIỆN TRƯỞNG**



**Phan Trọng Lân**

## Phụ lục I

(Ban hành theo Quyết định số 77/QĐ-VSDTTU ngày 12/9/2024 của  
Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương)

### KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA CỦA NGHIÊN CỨU SINH

Cơ sở đào tạo:

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Tên đề tài:

Ngành đào tạo:

Mã ngành đào tạo:

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
Năm thứ 1	Các học phần bổ sung mặt bằng thạc sĩ (nếu có)	04 học phần	Chứng chỉ môn học
	Các học phần tiến sĩ	04 học phần = 12 tín chỉ	Bảng điểm học phần
Năm thứ 2	Thực hiện phần 1 của Luận án	đến 24 tín chỉ	Chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ...
Năm thứ 3	Thực hiện phần 2 của Luận án	đến 30 tín chỉ	Luận án và các bài công bố, ...
Năm thứ 4	Thực hiện phần 3 của Luận án	Số tín chỉ còn lại của chương trình đào tạo (3/4 năm)	Luận án và các bài công bố, ...

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người lập

Lưu ý: phần in nghiêng là ví dụ về các nội dung trong kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.  
NCS căn cứ vào chương trình đào tạo của Viện để xây dựng kế hoạch cụ thể của mình, tham  
khảo khung chương trình đào tạo từng ngành tại địa chỉ: <https://nihe.org.vn/vi/chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-tien-si-cua-6-chuyen-nganh>

## Phụ lục II

(Ban hành theo Quyết định số 11/QĐ-VSDTTU ngày 12/9/2024 của  
Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương)

### DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

Số thứ tự	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
		Aptis ESOL	B2
		Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifika B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	TPKI - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	TPKI-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

### Phụ lục III

(Ban hành theo Quyết định số .../QĐ-VSDTTU ngày 12/9/2024 của  
Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương)

## MẪU BÁO CÁO DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH BẢO VỆ LUẬN ÁN CÁC THÁNG TRONG NĂM

BỘ Y TẾ  
VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ TRUNG ƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

## DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH ĐÃ BẢO VỆ LUẬN ÁN TIỀN SĨ

(Tháng .... năm ....)

STT	Họ và tên NCS	Số, ngày quyết định công nhận NCS	Tên đề tài	Ngành, mã số	Ngày bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá của cơ sở đào tạo	Kết quả đánh giá	Ghi chú

VIỆN TRƯỞNG

Phi Luc IV

(Ban hành theo Quyết định số .../QĐ-VSDTTU ngày .../9/2024 của  
Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương)

**MẪU BÁO CÁO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày *tháng* *năm*.....

BỘ Y TẾ

**VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ TRUNG ƯƠNG**

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH NĂM .....

Danh sách nghiên cứu sinh học tập, nghiên cứu trong năm ...

<sup>1</sup> Thời tự NCS được sắp xếp theo nhóm các khoa tuyển sinh.

<sup>2</sup> Ghi thời gian theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa (VD: 2024-2027).

## II. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy và hướng dẫn NCS

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Chức danh khoa học (GS/PGS)	Trình độ	Mã số CCCD/ Hộ chiếu	Số lượng NCS đang hướng dẫn	Số lượng công bố khoa học trong vòng 05 năm	Thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ
1										
2										
3										

## III. Danh sách các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo gắn với hoạt động đào tạo NCS

STT	Tên đề tài	Cấp phê duyệt	Thời gian thực hiện	Tên NCS tham gia

## IV. Tồn tại, hạn chế (nếu có)

## V. Nguyên nhân và giải pháp khắc phục

## VI. Kiến nghị của cơ sở đào tạo

VIỆN TRƯỞNG

